

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 85/2019/TT-BTC về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

b) Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi; các Chi nhánh trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Điều 2. Đối tượng, trường hợp miễn phí

1. Người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Hộ gia đình, cá nhân đăng ký biện pháp bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng theo chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được miễn nộp phí đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP.

3. Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm do lỗi của người thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm.

4. Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên tài sản thi hành án của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.

5. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

6. Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động thi hành án dân sự.

Điều 3. Mức thu phí

1. Mức thu phí áp dụng đối với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính

STT	Nội dung	Mức thu
1.	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm	
a)	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	80.000 đồng/hồ sơ
b)	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	60.000 đồng/hồ sơ

c)	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	30.000 đồng/hồ sơ
d)	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	20.000 đồng/hồ sơ
đ)	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	25.000 đồng/trường hợp
e)	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	80.000 đồng/hồ sơ
2.	Phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	30.000 đồng/hồ sơ

2. Mức thu phí đăng ký biện pháp bảo đảm và phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí

1. Người nộp phí thực hiện khai (nếu có), nộp phí theo từng lần phát sinh. Người nộp phí vào ngân sách nhà nước theo một trong các quy định sau đây:

a) Nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước.

b) Nộp cho tổ chức thu phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Tổ chức thu, nộp phí và quyết toán phí thu được theo quy định của pháp luật.

a) Tổ chức thu phí thực hiện nộp số tiền phí thu được của tháng trước, bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 05 hằng tháng. Tổ chức thu phí thực hiện khai số tiền phí thu được của tháng trước theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

b) Hằng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số tiền phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

3. Tổ chức thu phí được trích lại 100% (một trăm phần trăm) tổng số tiền

phí thu được để trang trải phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.
2. Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được tiếp tục áp dụng tại số thứ tự 18 Mục X Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khoá XIV Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Đức Tuy